

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS-ST
Ngày: 26-10-2023
*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp
hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út
2. Ông Trương Thành Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Tấn Huy –Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59A/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Đ xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp Đ xã T huyện C, tỉnh Long An.

(bà N có mặt, bà L vắng mặt – có đơn xin vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023 và 16/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và bà Hồ Thị Mỹ L là chỗ quen biết do ở cùng địa phương.

Vào ngày 15/9/2017 âm lịch bà có cho bà L vay số tiền 37.700.000 đồng (tiền hụi còn nợ, tiền mượn), khi vay không có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không

thỏa thuận thời gian trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà cần tiền sẽ thông báo cho bà L trả, thời gian thông báo 01 tháng.

Vào ngày 24/3/2020 âm lịch bà có cho bà L vay số tiền 57.650.000 đồng (tiền hui còn nợ, tiền mượn), khi vay không có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà cần tiền sẽ thông báo cho bà L trả, thời gian thông báo 01 tháng.

Đến ngày 10/8/2022 dương lịch bà L có làm giấy ghi tiền hui thiếu nội dung ngày 15/9/2017 âm lịch có mượn của bà 37.700.000 đồng và ngày 24/3/2020 âm lịch có mượn của bà 57.650.000 đồng, tổng cộng là 95.350.000 đồng.

Bà L không trả cho bà bất cứ khoản tiền lãi nào. Bà cũng nhiều lần yêu cầu bà L trả lại tiền gốc cho bà nhưng bà L không trả. Ngày 05/5/2023 bà có gửi cho bà L Thông báo đòi nợ để yêu cầu bà L thanh toán số tiền 95.350.000 đồng, thời gian trả 30 ngày nhưng bà L không thực hiện.

Do đó nay bà khởi kiện yêu cầu bà L có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền vay 95.350.000 đồng và tiền lãi 78.920.000 đồng (tính từ ngày vay đến ngày làm đơn khởi kiện, mức lãi 1,66%/tháng), ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Ngoài ra bà còn tổ chức chơi hui, bà L có tham gia chơi, cụ thể:

Dây hui thứ 1: khui ngày 05/6/2020 (dương lịch), hui 2.000.000 đồng/phần, dây hui gồm 22 phần, tháng khui 01 lần, bà L tham gia 02 phần, hui khui kỳ đầu tiên vào ngày 05/6/2020 (dương lịch), trong dây hui này bà L hốt ở kỳ khui thứ 1 và thứ 2, bà đã giao đủ tiền hui cho bà L, sau đó bà L đã đóng đến kỳ khui thứ 14 thì ngưng, hui hiện nay đã mãn. Trong dây hui này bà L còn nợ lại 08 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = 32.000.000 đồng.

Dây hui thứ 2: khui ngày 05/9/2020 (dương lịch), hui 2.000.000 đồng/phần, dây hui gồm 21 phần, tháng khui 01 lần, bà L tham gia 03 phần, hui khui kỳ đầu tiên vào ngày 05/9/2020 (dương lịch), trong dây hui này bà L hốt ở kỳ khui thứ 1, thứ 2 và kỳ khui thứ 4, bà đã giao đủ tiền hui cho bà L, sau đó bà L đã đóng đến kỳ khui thứ 11 thì ngưng, hui hiện nay đã mãn. Trong dây hui này bà L còn nợ lại 10 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ x 03 phần = 60.000.000 đồng.

Dây hui thứ 3: khui ngày 01/4/2021 (dương lịch), hui 2.000.000 đồng/phần, dây hui gồm 21 phần, tháng khui 01 lần, bà L tham gia 03 phần, hui khui kỳ đầu tiên vào ngày 01/4/2021 (dương lịch), trong dây hui này bà L hốt ở kỳ khui thứ 1, thứ 3 và kỳ khui thứ 4, bà đã giao đủ tiền hui cho bà L, sau khi hốt hui ở kỳ khui thứ 4 thì bà L ngưng đóng hui cho bà, hui hiện nay đã mãn. Trong dây hui này bà L còn nợ lại 17 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ x 03 phần = 102.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền hui bà L còn nợ chưa đóng cho bà là 194.000.000 đồng.

Ngoài ra bà có tham gia chơi hui do bà L làm chủ thảo, cụ thể các dây hui như sau:

Dây thứ 1: khui ngày 05/01/2021 (âm lịch), hui 1.000.000 đồng/phần, dây hui gồm 14 phần, tháng khui 01 lần, bà tham gia 02 phần, hui khui kỳ đầu tiên vào ngày 05/01/2021 (âm lịch), trong dây hui này bà đã đóng được 14 kỳ, khi mãn hui bà L không

giao tiền cho bà. Trong dây hụi này bà yêu cầu bà L trả lại số tiền 28.000.000 đồng/02 phần hụi.

Dây thứ 2: khui ngày 06/01/2021 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/phần, dây hụi gồm 14 phần, tháng khui 01 lần, bà tham gia 02 phần, hụi khui kỳ đầu tiên vào ngày 06/01/2021 (âm lịch), trong dây hụi này bà hốt 01 phần ở kỳ khui thứ 6, bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà, còn 01 phần bà đã đóng được 14 kỳ, khi mãn hụi bà L không giao tiền. Trong dây hụi này bà yêu cầu bà L trả lại số tiền 14.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi bà L chưa giao cho bà là 42.000.000 đồng.

Bà cũng đã nhiều lần yêu cầu bà L hoàn trả số tiền hụi còn nợ nhưng bà L hứa mà không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà L có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hụi còn lại là 236.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, hoàn trả 01 lần. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Bà chỉ yêu cầu cá nhân bà L trả tiền cho bà, không yêu cầu ai có trách nhiệm liên đới với bà L trả tiền cho bà.

Bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị N là chỗ quen biết do ở cùng địa phương.

1/ Trước yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà hoàn trả số tiền vay 95.350.000 đồng bà không đồng ý.

Bà có chơi hụi do bà N tổ chức và có nợ lại một vài kỳ hụi chưa đóng nên bà N mới ghi nợ số tiền 57.650.000 đồng tuy nhiên sau đó bà đã hốt hụi (do bà N tổ chức) nhưng bà N không giao hụi cho bà mà cản trở vào số tiền nợ trên. Dây hụi nào bà không nhớ, thường khi giao hụi không có giấy tờ gì.

Sau khi cản trở bà chỉ còn nợ bà N 37.000.0000 đồng, số tiền 37.000.000 đồng bà đồng ý hoàn trả nhưng xin trả dần, mỗi tháng 300.000 đồng.

2/ Đối với số tiền hụi bà N yêu cầu, bà có ý kiến:

Bà và bà N có tổ chức chơi hụi và có chơi hụi qua lại lẫn nhau, khi tổ chức chơi hụi thì cũng có làm danh sách hụi nhưng hiện nay đã mất nên giấy tờ bà không còn giữ.

Khi bà N tổ chức chơi hụi bà cũng có tham gia, có hốt hụi cũng có dây hụi bà không đóng đầy đủ cho bà N, còn thiếu lại tiền hụi chết nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu bà không biết.

Khi bà tổ chức chơi hụi, bà N cũng có tham gia chơi hụi, bà N chơi 3 dây, hụi 1.000.000 đồng, khui thời gian nào bà không nhớ, dây hụi gồm 12 phần, trong đó bà đã giao cho bà N 01 phần (hốt ở kỳ khui cuối) số tiền 12.000.000 đồng, giao cho chị dâu bà N nhận, đối với số tiền hụi này bà còn nợ bà N 2 dây hụi, tổng cộng số tiền 24.000.000 đồng.

Bà chỉ đồng ý hoàn trả cho bà N số tiền 24.000.000 đồng, trả hàng tháng, mỗi tháng số tiền 200.000 đồng vì hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Chữ ký, chữ viết Hồ Thị Mỹ L trong Giấy ghi tiền hụi thiếu ngày 10/8/2022 dương lịch là của bà, bà có đọc nội dung trong giấy tay, ai viết thì bà không biết nhưng do bà N mang xuống nhà, bà có ký.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Hồ Thị Mỹ L có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền vay 95.350.000 đồng, bà rút lại yêu cầu tính lãi 78.920.000 đồng (tính từ ngày vay đến ngày làm đơn khởi kiện, mức lãi 1,66%/tháng) và yêu cầu bà L hoàn trả số tiền hui là 236.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và hoàn trả 01 lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An – ông Phạm Chí Hiếu - phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bà Huỳnh Thị Mỹ L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà L1 là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 471 BLDS, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hui, họ, bêu, phường đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị Mỹ L có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay 95.350.000 đồng và tiền lãi 78.920.000 đồng (tính từ ngày vay đến ngày làm đơn khởi kiện, mức lãi 1,66%/tháng) và tiền hui là 236.000.000 đồng làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng góp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”.

Bà L cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Cần Đức giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N rút 01 phần yêu cầu khởi kiện cụ thể không yêu cầu số tiền lãi 78.920.000 đồng, việc rút lại yêu cầu này của bà N là tự nguyện. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N liên quan đến khoản tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Mỹ L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị Mỹ L có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay 95.350.000 đồng. Xét lời trình bày và yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 15/9/2017 âm lịch bà N có cho bà L vay số tiền 37.700.000 đồng và ngày 24/3/2020 âm lịch bà N có cho bà L vay số tiền 57.650.000 đồng, khi vay không có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà N cần tiền sẽ thông báo cho bà L trả, thời gian thông báo 01 tháng.

Đến ngày 10/8/2022 dương lịch các bên có làm giấy tay có ký vào “giấy ghi tiền hụi thiếu” nội dung ngày 15/9/2017 âm lịch có mượn của bà N 37.700.000 đồng và ngày 24/3/2020 âm lịch có mượn của bà N 57.650.000 đồng, tổng cộng là 95.350.000 đồng.

Ngày 05/5/2023 bà N có gửi cho bà L “Thông báo đòi nợ” để yêu cầu bà L thanh toán cho bà N số tiền 95.350.000 đồng, thời gian trả 30 ngày nhưng bà L không thực hiện.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, bà L chỉ thừa nhận còn nợ bà N 37.000.0000 đồng. Do các bên có tổ chức, có tham gia chơi hụi với nhau và cản trừ nợ hụi nên bà L chỉ nợ bà N số tiền 37.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài lời trình bày bà L không đưa ra chứng cứ gì chứng minh và thừa nhận chữ ký, chữ viết trong “Giấy ghi tiền hụi thiếu” là của bà L. Do đó có cơ sở xác định bà L còn nợ bà N số tiền 95.350.000 đồng. Bà L xin trả dần số tiền nợ, mỗi tháng 300.000 đồng. Xét thấy, pháp luật chưa quy định về việc trả dần, bà L yêu cầu trả dần nhưng bà N không đồng ý nên không công nhận cho bà L trả dần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào “Giấy ghi tiền hụi thiếu” buộc bà L trả cho bà N số tiền vay 95.350.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà Hồ Thị Mỹ L có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là vay 95.350.000 đồng.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị Mỹ L có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi 236.000.000 đồng. Xét lời trình bày và yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà N là đầu thảo hụi, có tổ chức chơi hụi, bà L có chơi hụi do bà L tổ chức, bà L có tổ chức chơi hụi, bà N có tham gia chơi. Hiện nay các dây hụi đều đã mãn. Khi bà N làm đầu thảo hụi, bà L có tham gia 03 dây hụi, bà L đã hốt hụi xong nhưng không đóng lại đầy đủ cho bà N, số tiền còn nợ lại là: tiền hụi ngày 5/6/2020 số tiền 32.000.000 đồng; hụi 5/9/2020: 60.000.000 đồng; hụi ngày 01/4/2021: 102.000.000 đồng. Khi bà L làm đầu thảo hụi, bà N có tham gia 02 dây hụi, bà N đóng tiền hụi đầy đủ nhưng bà L không giao tiền hụi khi kết thúc dây hụi, cụ thể: hụi ngày 05/01/2021: 28.000.000 đồng; hụi 06/01/2021: 14.000.000 đồng.

Bà N cũng đã nhiều lần yêu cầu bà L hoàn trả số tiền hụi còn nợ nhưng bà L hứa mà không thực hiện.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà L có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ hụi còn lại là 236.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, hoàn trả 01 lần.

Theo Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ hụi biên phường (gọi chung là họ).

“Điều 16. Nghĩa vụ của thành viên

1. Thành viên trong họ không có lỗi có các nghĩa vụ sau đây:

a) Góp phần họ theo thỏa thuận;

b) Thông báo về nơi cư trú mới trong trường hợp có thay đổi cho những người tham gia dây họ;

c) Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác;

d) Các nghĩa vụ của thành viên trong việc thực hiện quy định tại Điều 10 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định này;

đ) Trong trường hợp không có chủ họ thì thành viên được giao lập và giữ sổ họ có các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 của Nghị định này.

2. Thành viên trong họ có lỗi có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trả lỗi cho các thành viên chưa lĩnh họ khi được lĩnh họ.

3. Thành viên trong họ hưởng hoa hồng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này nếu thuộc trường hợp họ không có lỗi hoặc các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc trường hợp họ có lỗi;

b) Trả khoản hoa hồng cho chủ họ khi lĩnh họ theo thỏa thuận.

“Điều 18. Nghĩa vụ của chủ họ (chủ hộ)”

1. Thông báo cho các thành viên về nơi cư trú mới trong trường hợp có sự thay đổi.

2. Thông báo đầy đủ về số lượng dây họ; phần họ, kỳ mở họ; số lượng thành viên của từng dây họ mà mình đang làm chủ họ cho người muốn gia nhập dây họ.

3. Giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ.

4. Nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Điều 23. Trách nhiệm của chủ họ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ

Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì chủ họ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau:

1. Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này.

2. Trả lỗi đối với số tiền chậm giao cho thành viên được lĩnh họ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này.

3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.

4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên không góp phần họ

Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:

1. Hoàn trả số tiền mà chủ hộ đã góp thay cho thành viên.
2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp hộ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này.
3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây hộ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự.
4. Bồi thường thiệt hại (nếu có).

Xét thấy, bản chất của việc tham gia chơi hội, họ, biêu, phường là việc thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân. Cho nên, khi bà L làm chủ hội, bà N đã đóng tiền hội đầy đủ, sau khi hội mãn bà L phải có nghĩa vụ giao tiền hội cho bà N. Khi bà N làm chủ hội, bà L phải có nghĩa vụ góp hội theo thỏa thuận. Bà L thừa nhận có tổ chức chơi hội, bà N có tham gia và bà L có tham gia chơi hội khi bà N tổ chức tuy nhiên bà L không đồng ý với số tiền nợ hội mà bà N yêu cầu. Tòa án nhân dân huyện Cần Đức có tổng đạt cho bà L Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng bà L không cung cấp chứng cứ gì. Ngoài ra tại “Giấy ghi tiền hội thiếu” ngày 10/8/2022 bà L có thừa nhận bà có ký tên vào, nội dung thể hiện bà L còn nợ bà N số tiền hội 236.000.000 đồng. Do đó có cơ sở xác định bà L còn nợ bà N số tiền hội 236.000.000 đồng.

Bà L xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên pháp luật chưa quy định việc trả dần, bà N cũng không đồng ý cho bà L trả dần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ “Giấy ghi tiền hội thiếu” ngày 10/8/2022, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền hội là 236.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà N chỉ yêu cầu cá nhân bà L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 95.350.000 đồng và tiền hội 236.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ liên đới.

[4] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An là có cơ sở.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Hồ Thị Mỹ L không phải chịu án phí do bà L thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 267, 271, 273, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 469 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội*” đối với bà Hồ Thị Mỹ L.

Buộc bà Hồ Thị Mỹ L có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay 95.350.000 đồng (chín mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) và số tiền hội 236.000.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu đồng). Tổng cộng là 331.350.000 đồng (ba trăm, ba mươi một triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Hồ Thị Mỹ L về việc yêu cầu trả số tiền lãi 78.920.000 đồng (tính từ ngày vay đến ngày làm đơn khởi kiện, mức lãi 1,66%/tháng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 4.357.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005653 ngày 19/6/2023 và số tiền 5.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005621 ngày 09/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Hồ Thị Mỹ L không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện C,
- Chi cục THA huyện C,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thùy Diễm

